



Số: 2151/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính cho phép thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính thông qua Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: Thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1805/TTr-SNV ngày 13/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 260 thủ tục hành chính cho phép thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính thông qua Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cho phép thực hiện thanh toán trực tuyến.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, các cơ quan ngành dọc, UBND cấp huyện, UBND cấp xã:



a) Công khai, niêm yết Danh mục thủ tục hành chính cho phép thực hiện thanh toán trực tuyến theo Điều 1 của Quyết định này tại Bộ phận Một cửa, trên Cổng/trang thông tin điện tử và các kênh thông tin phù hợp khác để cá nhân, tổ chức biết và thực hiện.

b) Chỉ đạo Bộ phận Một cửa tích cực hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện thanh toán trực tuyến khi giải quyết các thủ tục hành chính đã công bố tại Điều 1 Quyết định này.

c) Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện thanh toán, thanh toán lại, đối soát và quyết toán các khoản phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính do cá nhân, tổ chức nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin và Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa thực hiện quy trình thu hộ, thanh toán lại, đối soát các khoản phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính do cá nhân, tổ chức nộp trực tuyến theo thỏa thuận, hợp đồng đã ký kết với các bên có liên quan và các quy chế, quy trình được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên các kênh thông tin, phương tiện thông tin đại chúng; triển khai hỗ trợ trực tuyến khi tổ cá nhân, tổ chức có nhu cầu thực hiện dịch vụ thanh toán trực tuyến.

3. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Theo dõi, tổng hợp chung tình hình triển khai thực hiện và phối hợp giải quyết các vướng mắc (nếu có).

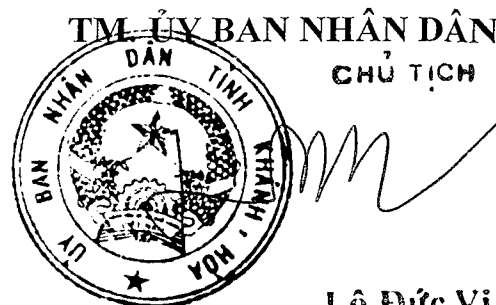
4. Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa:

Tổ chức tuyên truyền tiện ích thanh toán trực tuyến của Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa đến cá nhân, tổ chức biết và thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 4 (t/h);
- NHNN Việt Nam, KBNN Việt Nam;
- Các Bộ: TT&TT, NV, TC, VP Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND, TT.UBND tỉnh;
- Các ban đảng, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Cổng thông tin CCHC tỉnh;
- Trung tâm CNTT&DVHCCTTT;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, DL. 5/5



Lê Đức Vinh

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHO PHÉP THANH TOÁN TRỰC TUYẾN PHÍ, LỆ PHÍ, NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
THÔNG QUA TRUNG TÂM DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TRỰC TUYẾN TỈNH KHÁNH HÒA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 26 / 8 /2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|-------------------------------|-------------------|
| 1 | Cấp Giấy phép bán buôn rượu | Lưu thông hàng hóa trong nước | Sở Công Thương |
| 2 | Cấp đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu | Lưu thông hàng hóa trong nước | Sở Công Thương |
| 3 | Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu | Lưu thông hàng hóa trong nước | Sở Công Thương |
| 4 | Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá | Lưu thông hàng hóa trong nước | Sở Công Thương |
| 5 | Cấp đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá | Lưu thông hàng hóa trong nước | Sở Công Thương |
| 6 | Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy) | Lưu thông hàng hóa trong nước | Sở Công Thương |
| 7 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |
| 8 | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |
| 9 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |
| 10 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |
| 11 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|-------------------------------|-------------------|
| 12 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |
| 13 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |
| 14 | Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |
| 15 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |
| 16 | Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |
| 17 | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |
| 18 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |
| 19 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | Lưu thông hàng hóa trong nước | UBND cấp huyện |
| 20 | Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân đóng trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | An toàn thực phẩm | Sở Công Thương |
| 21 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện | An toàn thực phẩm | Sở Công Thương |
| 22 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất) | An toàn thực phẩm | Sở Công Thương |
| 23 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không | An toàn thực phẩm | Sở Công Thương |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|---|-------------------|
| | thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ mặt hàng kinh doanh) | | |
| 24 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất) | An toàn thực phẩm | Sở Công Thương |
| 25 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực) | An toàn thực phẩm | Sở Công Thương |
| 26 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh) | An toàn thực phẩm | Sở Công Thương |
| 27 | Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Sở Công Thương |
| 28 | Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Sở Công Thương |
| 29 | Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế | Lữ hành | Sở Du lịch |
| 30 | Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | Lữ hành | Sở Du lịch |
| 31 | Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | Lữ hành | Sở Du lịch |
| 32 | Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch | Lữ hành | Sở Du lịch |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|-----------------------------|--------------------------|
| 33 | Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | Lữ hành | Sở Du lịch |
| 34 | Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch | Lưu trú du lịch | Sở Du lịch |
| 35 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa | Vận tải thủy nội địa | Sở Giao thông Vận tải |
| 36 | Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa | Vận tải thủy nội địa | Sở Giao thông Vận tải |
| 37 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | Vận tải thủy nội địa | Sở Giao thông Vận tải |
| 38 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | Vận tải thủy nội địa | Sở Giao thông Vận tải |
| 39 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện | Vận tải thủy nội địa | Sở Giao thông Vận tải |
| 40 | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo) | Hệ thống văn bằng chứng chỉ | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 41 | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Giáo dục và Đào tạo) | Hệ thống văn bằng chứng chỉ | UBND cấp huyện |
| 42 | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh (đã có mã số thuế) | Đăng ký kinh doanh | UBND cấp huyện |
| 43 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh - Giấy chứng nhận đăng ký thuế | Đăng ký kinh doanh | UBND cấp huyện |
| 44 | Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh - Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế | Đăng ký kinh doanh | UBND cấp huyện |
| 45 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh - Đăng ký thuế | Đăng ký kinh doanh | UBND cấp huyện |
| 46 | Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) | An toàn bức xạ hạt nhân | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 47 | Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) | An toàn bức xạ hạt nhân | Sở Khoa học và Công nghệ |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|---------------------------------|-------------------------------------|
| 48 | Cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế) | An toàn bức xạ hạt nhân | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 49 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 50 | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 51 | Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 52 | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 53 | Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 54 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) | An toàn lao động | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 55 | Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) - Đối với trường hợp gia hạn | An toàn lao động | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|--------------------|--|
| | Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động | | |
| 56 | Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung phạm vi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động | An toàn lao động | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 57 | Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) | Việc làm | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 58 | Cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) | Việc làm | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 59 | Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong) | Việc làm | Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong |
| 60 | Cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong) | Việc làm | Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong |
| 61 | Cấp bản sao và chứng thực lưu trữ | Văn thư và lưu trữ | Sở Nội vụ |
| 62 | Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật | Bảo vệ thực vật | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 63 | Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật | Bảo vệ thực vật | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|-----------------|--|
| 64 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (trường hợp đạt yêu cầu) | Bảo vệ thực vật | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 65 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (trường hợp chưa đạt yêu cầu) | Bảo vệ thực vật | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 66 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (trường hợp đạt yêu cầu) | Bảo vệ thực vật | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 67 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (trường hợp chưa đạt yêu cầu) | Bảo vệ thực vật | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 68 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (trường hợp cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản) | Bảo vệ thực vật | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 69 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón | Bảo vệ thực vật | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 70 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón | Bảo vệ thực vật | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 71 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón (trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận) | Bảo vệ thực vật | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 72 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón (trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn) | Bảo vệ thực vật | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 73 | Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn | Chăn nuôi thú y | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |



| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|-----------------|--|
| | đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) (trường hợp cấp mới) | | |
| 74 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) | Chăn nuôi thú ý | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 75 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y | Chăn nuôi thú ý | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 76 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký) | Chăn nuôi thú ý | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 77 | Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y | Chăn nuôi thú ý | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 78 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn | Chăn nuôi thú ý | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 79 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận | Chăn nuôi thú ý | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 80 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng) | Chăn nuôi thú ý | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 81 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Trường hợp cơ sở chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận) | Chăn nuôi thú ý | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 82 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống) | Chăn nuôi thú ý | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 83 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (trường hợp cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận) | Chăn nuôi thú ý | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|-----------------|--|
| 84 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở toàn dịch bệnh động vật thủy sản (trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận) | Chăn nuôi thú y | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 85 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở toàn dịch bệnh động vật thủy sản (trường hợp cơ sở chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận) | Chăn nuôi thú y | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 86 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản đối với cơ sở phải đánh giá lại | Chăn nuôi thú y | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 87 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận | Chăn nuôi thú y | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 88 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (trường hợp cơ sở đã được giám sát) | Chăn nuôi thú y | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 89 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (trường hợp cơ sở chưa được giám sát) | Chăn nuôi thú y | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 90 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (trường hợp động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh) | Chăn nuôi thú y | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 91 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (trường hợp động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại Khoản 1 Điều 53 của Luật Thú y) | Chăn nuôi thú y | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 92 | Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động | Thú y | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|---|--|
| | vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) | | |
| 93 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản | Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 94 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn) | Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 95 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận) | Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 96 | Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá | Thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 97 | Cấp Giấy phép khai thác thủy sản | Thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 98 | Cấp gia hạn Giấy phép khai thác thủy sản | Thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 99 | Cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản | Thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 100 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá | Thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 101 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá | Thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 102 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá | Thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 103 | Cấp đổi và cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản | Thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|--------------------------|--|
| 104 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (sau chuyển nhượng) cho tàu cá dưới 20CV | Thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 105 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (cải hoán) cho tàu cá dưới 20CV | Thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 106 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá dưới 20CV | Thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 107 | Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (thông tin, dữ liệu về đất đai) | Tài nguyên và môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 108 | Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc bản đồ | Đo đạc, bản đồ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 109 | Cấp phép thăm dò khoáng sản | Khoáng sản - Địa chất | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 110 | Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản | Khoáng sản - Địa chất | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 111 | Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản | Khoáng sản - Địa chất | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 112 | Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản | Khoáng sản - Địa chất | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 113 | Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản | Khoáng sản - Địa chất | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 114 | Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản | Khoáng sản - Địa chất | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 115 | Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | Khoáng sản - Địa chất | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 116 | Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | Khoáng sản - Địa chất | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 117 | Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng | Khoáng sản - Địa | Sở Tài nguyên và |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|--|-----------------------------|
| | công trình | chất | Môi trường |
| 118 | Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề | Quản lý đất đai liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 119 | Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | Quản lý đất đai liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 120 | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận | Quản lý đất đai liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 121 | Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu | Quản lý đất đai liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 122 | Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai | Quản lý đất đai liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 123 | Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, tài | Quản lý đất đai liên | Sở Tài nguyên và |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|--|-----------------------------|
| | sản gắn liền với đất đã đăng ký | quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài | Môi trường |
| 124 | Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | Quản lý đất đai liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 125 | Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | Quản lý đất đai liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 126 | Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở | Quản lý đất đai liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 127 | Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất | Quản lý đất đai liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 128 | Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất | Quản lý đất đai liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở | Sở Tài nguyên và Môi trường |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|---|------------------------------|
| | | tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài | |
| 129 | Cấp Giấy phép bưu chính | Bưu chính chuyển phát | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 130 | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bưu chính | Bưu chính chuyển phát | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 131 | Cấp lại Giấy phép bưu chính khi hết hạn | Bưu chính chuyển phát | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 132 | Cấp lại Giấy phép bưu chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được | Bưu chính chuyển phát | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 133 | Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính | Bưu chính chuyển phát | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 134 | Cấp Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh | Xuất bản | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 135 | Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh | Xuất bản | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 136 | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam (đối với trường hợp từ 14 tuổi trở lên chỉ cư trú tại tỉnh Khánh Hòa) | Lý lịch tư pháp | Sở Tư pháp |
| 137 | Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam (trường hợp đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích) | Lý lịch tư pháp | Sở Tư pháp |
| 138 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 139 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (trường hợp không xác minh) | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 140 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (trường hợp xác minh) | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 141 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 142 | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | Hộ tịch | UBND cấp huyện |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|----------|-------------------|
| 143 | Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 144 | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 145 | Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 146 | Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) (trường hợp không xác minh) | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 147 | Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) (trường hợp xác minh) | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 148 | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài (trường hợp không xác minh) | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 149 | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài (trường hợp xác minh) | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 150 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (trường hợp không xác minh) | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 151 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (trường hợp xác minh) | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 152 | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 153 | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài (trường hợp không xác minh) | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 154 | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài (trường hợp xác minh) | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 155 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch (thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện) | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 156 | Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc | Hộ tịch | UBND cấp huyện |
| 157 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch (thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã) | Hộ tịch | UBND cấp xã |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|----------------------|------------------------|
| 158 | Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi; bổ sung hộ tịch (trường hợp bổ sung hộ tịch) | Hộ tịch | UBND cấp xã |
| 159 | Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi; bổ sung hộ tịch (trường hợp thay đổi, cải chính hộ tịch) | Hộ tịch | UBND cấp xã |
| 160 | Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi; bổ sung hộ tịch (trường hợp thay đổi, cải chính hộ tịch cần xác minh) | Hộ tịch | UBND cấp xã |
| 161 | Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | Hộ tịch | UBND cấp xã |
| 162 | Cấp Giấy phép phổ biến phim (Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu) | Điện ảnh | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 163 | Cấp Giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu) | Điện ảnh | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 164 | Cấp Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức địa phương | Nghệ thuật biểu diễn | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 165 | Cấp Giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương | Nghệ thuật biểu diễn | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 166 | Cấp phép xây dựng công trình quảng cáo - tiếp nhận thông báo sản phẩm quảng cáo trên biển quảng cáo | Quảng cáo | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 167 | Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | Quảng cáo | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 168 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | Quảng cáo | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 169 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | Quảng cáo | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 170 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 171 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|----------|------------------------|
| | | | thao |
| 172 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 173 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Thể dục, Thể hình | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 174 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Thể dục, Thể hình | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 175 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Võ đạo giải trí | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 176 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bơi, Lặn | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 177 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Khiêu vũ Thể thao | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 178 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn Võ cổ truyền và Vovinam | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 179 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Quần vợt | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 180 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Thể dục Thẩm mỹ | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 181 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Dù lượn và Điều bay động cơ | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 182 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động tập luyện Quyền anh | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 183 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 184 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động bán súng thể thao | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|--------------------|------------------------|
| 185 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Karatedo | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 186 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 187 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 188 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 189 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 190 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 191 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin | Thể thao | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 192 | Cấp Giấy phép kinh doanh vũ trường | Văn hóa cơ sở | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 193 | Cấp Giấy phép kinh doanh Karaoke | Văn hóa cơ sở | UBND cấp huyện |
| 194 | Cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu) thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C (trường hợp nhà thầu là tổ chức) | Hoạt động xây dựng | Sở Xây dựng |
| 195 | Cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu) thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C (trường hợp nhà thầu là cá nhân) | Hoạt động xây dựng | Sở Xây dựng |
| 196 | Điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C | Hoạt động xây dựng | Sở Xây dựng |
| 197 | Cấp Giấy phép xây dựng Giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, | Hoạt động xây dựng | Sở Xây dựng |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|--------------------|-------------------|
| | Giấy phép sửa chữa, cải tạo, Giấy phép di dời công trình) đối với công trình từ cấp I trở xuống; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trường hợp cấp phép xây dựng/cấp phép xây dựng có thời hạn công trình không theo tuyến) | | |
| 198 | Cấp Giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, Giấy phép sửa chữa, cải tạo, Giấy phép di dời công trình) đối với công trình từ cấp I trở xuống; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trường hợp cấp phép sửa chữa, cải tạo/cấp phép sửa chữa, cải tạo có thời hạn công trình) | Hoạt động xây dựng | Sở Xây dựng |
| 199 | Cấp Giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, Giấy phép sửa chữa, cải tạo, Giấy phép di dời công trình) đối với công trình từ cấp I trở xuống; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trường hợp cấp phép xây dựng công trình theo dự án) | Hoạt động xây dựng | Sở Xây dựng |
| 200 | Cấp Giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, Giấy phép sửa chữa, cải tạo, Giấy phép di dời công trình) đối với công trình từ cấp I trở xuống; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trường hợp cấp phép xây dựng theo giai đoạn công trình không theo tuyến) | Hoạt động xây dựng | Sở Xây dựng |
| 201 | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình từ cấp I trở xuống; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng | Hoạt động xây dựng | Sở Xây dựng |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|--------------------|-----------------------------------|
| | đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trường hợp điều chỉnh Giấy phép xây dựng công trình) | | |
| 202 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (trường hợp thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với dự án nhóm B, sử dụng vốn khác) | Hoạt động xây dựng | Sở Xây dựng |
| 203 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (trường hợp thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với dự án nhóm C, sử dụng vốn khác) | Hoạt động xây dựng | Sở Xây dựng |
| 204 | Cấp/nâng hạng/điều chỉnh, bổ sung nội dung Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III | Hoạt động xây dựng | Sở Xây dựng |
| 205 | Cấp/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | Hoạt động xây dựng | Sở Xây dựng |
| 206 | Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. (đối với công trình theo tuyến trong đô thị) (Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng) | Hoạt động xây dựng | Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong |
| 207 | Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trường hợp theo giai đoạn đối với công trình theo tuyến trong đô thị) (Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng) | Hoạt động xây dựng | Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong |
| 208 | Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn | Hoạt động xây dựng | Ban Quản lý Khu |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|--------------------|-----------------------------------|
| | giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (đối với công trình theo dự án) (Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng) | | kinh tế Vân Phong |
| 209 | Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trường hợp theo giai đoạn đối với công trình không theo tuyến) (Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng) | Hoạt động xây dựng | Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong |
| 210 | Cấp Giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng) | Hoạt động xây dựng | Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong |
| 211 | Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (đối với công trình không theo tuyến) (Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng) | Hoạt động xây dựng | Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong |
| 212 | Điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; | Hoạt động xây dựng | Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|--------------------|-----------------------------------|
| | công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng) | | |
| 213 | Cấp Giấy phép di dời công trình đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng) | Hoạt động xây dựng | Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong |
| 214 | Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn công trình, nhà ở riêng lẻ | Hoạt động xây dựng | UBND cấp huyện |
| 215 | Cấp Giấy phép xây dựng công trình theo tuyến trong đô thị | Hoạt động xây dựng | UBND cấp huyện |
| 216 | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh (trường hợp điều chỉnh Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ) | Hoạt động xây dựng | UBND cấp huyện |
| 217 | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh (trường hợp điều chỉnh Giấy phép xây dựng công trình) | Hoạt động xây dựng | UBND cấp huyện |
| 218 | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh (trường hợp gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ) | Hoạt động xây dựng | UBND cấp huyện |
| 219 | Cấp Giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, Giấy phép sửa chữa, | Hoạt động xây dựng | UBND cấp huyện |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|---------------------------|-------------------|
| | cải tạo, Giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công hình thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh (trường hợp cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ) | | |
| 220 | Cấp Giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, Giấy phép sửa chữa, cải tạo, Giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công hình thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh (trường hợp cấp phép xây dựng công trình) | Hoạt động xây dựng | UBND cấp huyện |
| 221 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Vệ sinh an toàn thực phẩm | Sở Y tế |
| 222 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Vệ sinh an toàn thực phẩm | Sở Y tế |
| 223 | Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | Vệ sinh an toàn thực phẩm | Sở Y tế |
| 224 | Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | Vệ sinh an toàn thực phẩm | Sở Y tế |
| 225 | Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | Vệ sinh an toàn thực phẩm | Sở Y tế |
| 226 | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình | Dược | Sở Y tế |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|----------------|-------------------|
| | thức xét hồ sơ | | |
| 227 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất) | Dược | Sở Y tế |
| 228 | Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | Dược | Sở Y tế |
| 229 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh dược hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh dược có làm thay đổi Điều kiện kinh doanh; thay đổi địa Điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | Dược | Sở Y tế |
| 230 | Cấp Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc | Dược | Sở Y tế |
| 231 | Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước | Dược | Sở Y tế |
| 232 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh chữa bệnh | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 233 | Cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 234 | Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 235 | Cấp Chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016 | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 236 | Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|----------------|-------------------|
| 237 | Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 238 | Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 239 | Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 240 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 241 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 242 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 243 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 244 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 245 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 246 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc bị hư hỏng Chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề theo qui định tại Điểm a, b Khoản 1, Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 247 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc bị hư hỏng Chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề theo qui định tại Điểm a, b Khoản 1, Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|--|-----------------------------|-------------------|
| 248 | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền. | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 249 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 250 | Đề nghị thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 251 | Điều chỉnh Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn khi được Bộ Y tế phân cấp (trường hợp các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế và bệnh viện tư nhân, bệnh viện trực thuộc các bộ, ngành khác đã được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động) | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 252 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 253 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 254 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám chữa bệnh | Sở Y tế |
| 255 | Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế | Quản lý trang thiết bị y tế | Sở Y tế |
| 256 | Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B,C,D | Quản lý trang thiết bị y tế | Sở Y tế |
| 257 | Cấp Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền | Y học cổ truyền | Sở Y tế |
| 258 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng chẩn trị y học cổ truyền | Y học cổ truyền | Sở Y tế |
| 259 | Cấp Giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp | Y học cổ truyền | Sở Y tế |

| STT | TÊN THỦ TỤC | LĨNH VỰC | CƠ QUAN TIẾP NHẬN |
|-----|---|-----------------|-------------------|
| | chữa bệnh gia truyền | | |
| 260 | Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Y học cổ truyền | Sở Y tế |

Tổng cộng: 260 thủ tục hành chính thực hiện thanh toán trực tuyến (cấp tỉnh 210, cấp huyện 45, cấp xã 05) trên 15 lĩnh vực:

- Lĩnh vực Công Thương: 28
- Lĩnh vực Du lịch: 06
- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: 02
- Lĩnh vực Giao Thông Vận tải: 05
- Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh: 04
- Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ: 08
- Lĩnh vực Lao động Thương binh và Xã hội: 07
- Lĩnh vực Nội vụ: 01
- Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 45
- Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường: 23
- Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông: 07
- Lĩnh vực Tư pháp: 24
- Lĩnh vực Văn hóa và Thể thao: 32
- Lĩnh vực Xây dựng: 27
- Lĩnh vực Y tế: 40.

